TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 821/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 12 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2017 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Vũ Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phú M kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 72 ngày 01 tháng 10 năm 2007. Sau cưới vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn A, xã M. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau và anh M có quan hệ ngoại tình dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng không được. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn B, xã M ở từ giữa năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và sâu sắc đến mức không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phú M.

Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M có một con chung tên Nguyễn Phú D sinh ngày 14 tháng 12 năm 2008. Khi ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho chị nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đề nghị để chị và anh M tự thỏa thuận giao nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H trình bày chị và anh Nguyễn Phú M không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị H đã nộp cho Tòa án: Bản sao Trích lục kết hôn số 72 ngày 01 tháng 10 năm 2007; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao giấy khai sinh của con chung. Anh Nguyễn Phú M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả xác minh số 689/TB-TA ngày 16/10/2017 và anh M không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Vũ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Nguyễn Phú M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự song đến ngày mở phiên tòa, anh Nguyễn Phú M vẫn không trình bày ý kiến của mình về việc chị Vũ Thị H xin ly hôn.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Vũ Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung và việc nuôi con khi ly hôn và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh M không trình bày ý kiến của mình nên thuộc trường hợp cần phải chứng minh. Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị H không yêu cầu giải quyết và anh M không trình bày ý kiến nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của

pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết cho chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M được ly hôn. Về con chung: Chị H và anh M có một con chung tên Nguyễn Phú D sinh ngày 14 tháng 12 năm 2008. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh M không trình bày quan điểm của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị Vũ Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung: Chị H và anh M không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị H và anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh M.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M được xác lập vào năm 2007 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2016 đến nay, hiện nay không còn tồn tại cuộc sống chung, không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Vũ Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Phú M. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị H với anh Nguyễn Phú M.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M có một con chung tên Nguyễn Phú D sinh ngày 14 tháng 12 năm 2008. Khi ly hôn, chị H xin nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, anh M không trình bày ý kiến của mình. Xét thấy, con chung đang khỏe mạnh, con có nguyện vọng ở với mẹ, chị H đã trực tiếp nuôi con từ khi ly thân đến nay, điều kiện nuôi con của hai bên đều tốt và ngang nhau. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh M tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phú D sinh ngày 14 tháng 12 năm 2008 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M tự thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0005736 ngày 23 tháng 8 năm 2017; Chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Phú M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Vân